TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HS-ST
Ngày 11-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hữu Phúc
- Ông Huỳnh Trung Thảo

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Nhàn, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2021 đối với:

- Các bị cáo:

1. Lê Quốc V, sinh năm 1989; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Sơn xe; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H, sinh năm 1970 và bà Trần Thị M, sinh năm 1970; có vợ Mai Thị Đ, sinh năm 1992 (đã ly hôn) và có 01 người con, sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 10/10/2020 Công an huyện T ra Quyết định xử phạt hành chính số 103/QĐ-XPHC về hành vi "Tàng trữ dao tự chế nhằm mục đích cố ý gây thương tích cho người khác" vào ngày 16/9/2020 số tiền 2.500.000đồng và tịch thu 01 dao tự chế bằng kim loại; tạm giữ: Ngày 16/9/2020; tạm giam: Ngày 22/9/2020.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

2. Tài Thị Mỹ T, sinh ngày 09/02/1999; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (chỗ ở: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp); nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tài Văn B, sinh năm 1977 và bà Lê Thị H, sinh năm 1981 và mẹ kế Phạm Thị Thúy H, sinh năm 1982; có chồng Nguyễn Văn L, sinh năm 1996 (đã ly hôn), hiện nay sống chung như vợ chồng với Trần Hữu N, sinh năm 1998 (chưa đăng ký kết hôn) và có 02 người con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 30/11/2020; tạm giam: Ngày 03/12/2020.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp và có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Hữu N, sinh ngày 15/4/1998; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hào E, sinh năm 1972 và bà Trần Thị L, sinh năm 1973; hiện nay sống chung như vợ chồng với Tài Thị Mỹ T, sinh năm 1999 (chưa đăng ký kết hôn) và 01 người con, sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 26/6/2020; tạm giam: Ngày 02/7/2020.

Bị cáo hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T và có mặt tại phiên tòa.

4. Đinh Thị Xuân P, sinh năm 1996; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Nam Định; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân H, sinh năm 1961 và bà Trần Thị P, sinh năm 1967; có chồng Nguyễn Ô R, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 60, ngày 10/11/2020 của Công an huyện T.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

5. Hồ Thanh T, sinh năm 1987; tên gọi khác: T; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn S, sinh năm 1950 và bà Võ Thị S, sinh năm 1962; có vợ Võ Thị Huỳnh T, sinh năm 1990 và 01 người con, sinh năm 2012; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 30/11/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng; tạm giữ: Không; tạm giam: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp và có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Lê Văn H, sinh năm 1970 (*có mặt*)
Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
- Người làm chứng:
1. Mai Văn Nhật T, sinh năm 1998 (*vắng mặt*)
Địa chỉ: khóm 3, thị trấn Tràm Chim, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

2. Huỳnh Trọng T, sinh năm 2000 (*vắng mặt*)
Địa chỉ: ấp ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Cao Văn P, sinh ngày 04/01/2001 (*vắng mặt*)
Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Phạm Minh Q, sinh năm 1993 (*vắng mặt*)
5. Phạm Văn P, sinh năm 1997 (*vắng mặt*)
Cùng địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Lê T, sinh năm 1990 (*vắng mặt*)
Địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

7. Trần Châu Q (C), sinh năm 1995 (*vắng mặt*)
Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (*vắng mặt*)
Địa chỉ: ấp U, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Lê Quốc V, Tài Thị Mỹ T, Trần Hữu N, Đinh Thị Xuân P và Hồ Thanh T đều là người nghiện ma túy. Các bị cáo quen biết và có giao dịch mua bán ma túy với nhau, trong đó: Việt bán ma túy cho N và T nhiều lần, nhưng các bị cáo không nhớ cụ thể, chỉ nhớ hai lần gần nhất, có một lần P giúp sức cho Việt bán ma túy cho N và T. Ngoài ra V còn bán ma túy bị cáo T một lần, bán Phạm Minh Q và nhờ bị cáo T đi giao ma túy Q một lần. Số ma túy mua của V, bị cáo T và N vừa để sử dụng vừa để bán nhiều lần cho những người nghiện. Cụ thể các lần mua bán ma túy giữa các bị cáo như sau:

- Vụ thứ nhất: Buổi tối trong tháng 6/2020 (không nhớ ngày, chỉ nhớ trước ngày T và N bị bắt quả tang khoảng một tuần), bị cáo Tn đang ở nhà của bị cáo N tại xã P (N và T sống chung như vợ chồng), T gọi điện cho bị cáo V để kêu Việt vào nhà bị cáo N lấy tiền còn thiếu trong đợt mua ma túy trước đó (các bị cáo không nhớ các lần giao dịch mua bán ma túy trước), đồng thời bị cáo T hỏi mua thiếu ma túy với giá 3.200.000đồng thì bị cáo V đồng ý, sau khi nghe điện thoại xong thì V rủ bị cáo P cùng đi, P không biết V đi bán ma túy cho T và NN. Khi V và P đến nhà N thì cả hai cùng đi vào phòng ngủ, lúc này P nằm trên

võng bấm điện thoại, còn V, N và T thì ngồi dưới sàn nhà cùng nhau sử dụng ma túy, trong lúc sử dụng thì V móc trong túi áo khoác ra 01 gói ma túy đưa cho T, T nhận gói ma túy và trả tiền cho V là 3.200.000đồng **(**là tiền thiếu trong đợt mua ma túy trước đó**)**, còn lần mua ma túy này thì T và N thiếu lại. P thấy V giao ma túy cho T thì biết là V bán ma túy. Sau khi giao dịch xong thì V và P đi về, số ma túy này thì T và N vừa sử dụng vừa bán trái phép cho nhiều người, nhưng không nhớ cụ thể bán cho ai.

- **Vụ thứ hai:** khoảng 17 giờ 30 ngày 25/6/2020, T điện thoại cho V, lúc này V đang sửa xe trước nhà P và sạc điện thoại để trong phòng ngủ của P, nên P cầm điện thoại ra đưa cho V. T xin V trả trước 1.900.000đồng, thiếu lại 1.300.000đồng trong số tiền 3.200.000đồng tiền mua ma túy thiếu trong đợt trước**,** đồng thời Trân hỏi mua thiếu thêm ma túy với giá 3.200.000đồng và thiếu trọn gói trước và sau là 4.500.000đồng, V đồng ý bán và kêu T ra đến Karaoke H (gần Massagae A) thì gọi điện thoại cho V. Sau khi nghe điện thoại xong thì V nói lại với P *"*chút vợ chồng N và T ra tới lấy đồ, bịch đồ anh để trên thùng loa trong phòng ngủ, em đưa đồ cho nó rồi lấy tiền*"*, ý của V là nhờ P lấy gói ma tuý để trong phòng ngủ bán cho N và T, P đồng ý. Sau đó V chạy xe đi mua các dụng cụ về sửa xe.

Nghe điện thoại xong, T kêu N cùng đi, Nghĩa mượn xe của người quen và chở T đi đến Massage A thì T gọi điện thoại cho V, V kêu T đưa điện thoại cho N nghe máy và hướng dẫn N đi vào nhà P. Khi vào đến nhà P thì P, N và T đi vào phòng ngủ, tại đây T đưa tiền cho N, N nhận tiền và trả tiền cho P là 1.900.000đồng, P đưa cho N 01 gói ma túy, khi vừa giao dịch xong thì V cũng về đến, P đưa tiền lại cho V, còn N và T thì đi về.

Số ma túy trên T và N sử dụng và bán cho những người sau: tối ngày 25/6/2020 bán cho Huỳnh Trọng T với giá 100.000đồng, đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Cao Văn P đến nhà N mua ma túy với giá 300.000đồng, T tiếp tục sang chiết và hàn kín gói ma túy giao cho P. Đến khoảng 13 giờ ngày 26/6/2020, Mai Văn Nhật T gọi điện thoại cho N hỏi mua ma túy với giá 1.030.000đồng, N kêu Nhật T đến nhà của N giao dịch, khi Nhật T đến nhà N thì ngồi trên giường đợi, còn T thì sang chiết và hàn kín gói ma túy giao cho T, sau khi giao dịch xong thì Nhật T đi về.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày 26/6/2020, lực lượng Công an đến bắt quả tang N và T thu giữ và niêm phong nhiều tang vật có liên quan đến hoạt động phạm tội mua bán trái phép chất ma túy, bao gồm: 07 gói nylon hàn kín bên trong chứa nhiều tinh thể gắn màu trắng, nghi vấn là ma túy; 01 nỏ thủy tinh dạng hình phễu bên trong còn dính nhiều tinh thể rắn màu trắng; 01 chai nhựa hiệu Sting, trên nắp chai có gắn 01 ống hút nhựa màu đỏ trắng; 20 gói nylon hàn kín 03 đầu và hở 01 đầu; 01 dụng cụ xúc bằng ống hút nhựa màu đỏ trắng dài 13,5 cm, có 01 đầu nhọn và 01 đầu hàn kín; 01 kéo kim loại màu trắng, lưỡi kéo

răng cưa, lưỡi kéo ám khói đen; 01 kéo kim loại màu trắng, mũi nhọn có ám khói đen; 01 dụng cụ xúc bằng ống hút nhựa màu trắng - xanh, dài 16cm, 01 đầu nhọn, 01 đầu hàn kín; 01 bóp nhựa màu đen - trắng - nâu, kích thước 11 x 09 x 02 cm; 01 quẹt gas màu trắng; 01 quyển sổ tay hiệu Handbook; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, hiệu OPPO đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, có gắn sim số điện thoại: 0372969557; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu vàng nhạt, hiệu Samsung Galaxy J7 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, có gắn 02 sim số điện thoại 0376721700 và số 0879222135; tiền Việt Nam: 1.726.000đồng (trong đó: 1.430.000đồng có liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy, 296.000đồng không liên quan đến việc phạm tội Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị cáo T xong).

Tại Bản kết luận giám định số 581/KL-KTHS ngày 30/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Tinh thể rắn chứa trong 07 bịch nylon, được niêm phong trong phong bì thu giữ của Trần Hữu N và Tài Thị Mỹ T là chất ma túy, có khối lượng 2,609 gam, loại Methamphetamine; tinh thể gắn chứa trong 01 nỏ thủy tinh, được niêm phong trong phong bì là chất ma túy, có khối lượng 0,056 gam, loại Methamphetamine.

Ngày 02/7/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với Trần Hữu Nvà Tài Thị Mỹ T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với N, riêng T cho tại ngoại vì đang nuôi con khoảng 06 tháng tuổi. Trong quá trình điều tra vụ án nêu trên, Lê Quốc V và Đinh Thị Xuân P không có mặt tại địa phương, đi đâu làm gì không rõ.

- **Vụ thứ ba:** Khoảng lúc 04 giờ 45 phút ngày 16/9/2020, lực lượng Công an xã A tuần tra trên địa bàn thì phát hiện Lê Quốc V cùng với Phạm Minh Q, Phạm Văn P, Lê T tập trung tại bến đò thuộc ấp P, xã A có biểu hiện nghi vấn nên yêu cầu kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện trên xe mô tô biển số 66N1 - 419.26 của Lê Quốc V tại vị trí phần đầu xe phía trên bên trái đồng hồ đo tốc độ có một gói giấy bạc bên trong có một túi nilon chứa tinh thể rắn màu trắng nghi vấn là ma túy đá nên tạm giữ;

Niêm phong theo quy định các tang vật có liên như sau: 01 túi nylon bên trong có chứa nhiều tinh thể gắn màu trắng, nghi vấn là ma túy đá, được gói trong một tấm giấy bạc; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A5 màu trắng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, có gắn 02 sim điện thoại số 0333240450 và số 0392820017; 01 dao tự chế bằng kim loại, cán màu đen, lưỡi dao trắng, độ dài 60 cm;

Thu giữ trên người của Lê Quốc V: Tiền Việt Nam: 20.180.000đồng, kết quả điều tra xác định trong đó: 5.500.000đồng có liên quan đến hành vi phạm tội, còn lại 14.680.000đồng là tiền cá nhân của V; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro màu xám, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, có gắn 02

sim điện thoại số 0382002715 và số 0398812924. Kết quả điều tra xác định không có liên quan đến việc phạm tội, đã trao trả lại cho bị cáo Việt xong;

Đối với 01 xe mô tô biển số 66N1 - 419.26, màu đỏ - đen, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, đã qua sử dụng. Xe mô tô trên là của ông Lê Văn H (cha ruột bị cáo V) mua của ông Phạm Văn S, ông H giao xe cho V sử dụng, không biết bị cáo V dùng để cất giấu ma túy, trong quá trình điều tra đã trao trả xe cho ông H xong.

Riêng đối với các đồ vật thu giữ trên người của Phạm Minh Q, Phạm Văn P, Lê T không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trao trả xong.

Tại Bản kết luận giám định số 858/KL-KTHS ngày 18/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Tinh thể rắn chứa trong gói nylon màu trắng hàn kín để trong giấy bạc, được niêm phong trong phong bì thu giữ của Lê Quốc V là chất ma túy, có khối lượng 1,616 gam, loại Methamphetamine.

Tại cơ quan điều tra Lê Quốc V thừa nhận số ma túy thu giữ trên xe mô tô biển số 66N1 - 419.26 là của Việt mua ngày 13/9/2020 của một người tên T tại thị xã H (nay là thành phố H), Việt mua số ma túy trên nhằm mục đích sử dụng và nếu ai cần thì Việt bán lấy tiền mua ma túy lại. Kết quả điều tra xác định Việt đã bán ma túy 02 lần như sau:

+ Lần 1: Việt và Hồ Thanh T là bạn bè quen biết nhau, chiều ngày 14/9/2020, V đến nhà T chơi, lúc này T hỏi mua ma túy của V với giá 200.000đồng và kêu Việt đổ ma túy vào nỏ thủy tinh để sử dụng, V đồng ý và đổ ma túy vào nỏ thủy tinh, sau khi sử dụng xong thì T trả tiền cho V 01 tờ mệnh giá 200.000đồng, Việt nhận tiền xong thì bỏ đi.

+ Lần 2: Sáng ngày 15/9/2020, V tiếp tục đến nhà T nằm ngủ, đến khoảng 19 giờ cùng ngày V rủ T cùng sử dụng ma túy, trong lúc đang sử dụng thì Phạm Minh Q gọi điện thoại cho V hỏi mua ma túy với giá 200.000đồng, V đồng ý bán, chia ma túy sang một gói nylon khác rồi hàn kín lại. Sau đó V thấy mệt nên đưa gói ma túy chuẩn bị bán Q cho T và nhờ T đi giao cho Q dùm, T đồng ý và cầm gói ma túy đi, khi đến nhà Q thì lúc này Q đã đứng chờ sẵn trước nhà, T đưa gói ma túy cho Q và Q trả tiền cho T gồm 02 tờ mệnh giá 100.000đồng, sau khi về đến nhà T đưa tiền lại cho V, V nhận tiền xong thì móc trong túi ra khoảng 100.000đồng tiền lẻ đưa cho T coi như trả công nhưng T không nhận, V cầm tiền lại và bỏ đi.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày giữa V và T xảy ra mâu thuẫn, sau đó 02 người hẹn nhau ra Bến đò A để đánh nhau. Khi đi, V có mang theo 01 gói ma túy giấu trên mặt đồng hồ xe Exciter biển số kiểm soát 66N1 - 419.26 và 01 cây dao tự chế, lúc đến điểm hẹn thì V và T chuẩn bị đánh nhau nhưng được Q, P và T can ra, cùng lúc này lực lượng Công an xã A tuần tra đến bắt quả tang V, tạm

giữ gói ma túy cùng toàn bộ vật chứng như nêu trên.

- **Vụ thứ tư:** Đối với bị cáo Tài Thị Mỹ T trong quá trình điều tra áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (*Vì* T đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi). Đến khoảng lúc 08 giờ 30 phút ngày 04/10/2020, lực lượng Công an xã A tiến hành kiểm nhà trọ T thuộc ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình kiểm tra tại phòng số 07 do T đang thuê ở, trên giường tại vị trí gối nằm của T phát hiện 01 gói nylon hàn kín, bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng nghi vấn là ma túy nên Công an xã A lập biên bản quả tang, tiến hành niêm phong tang vật. T khai nhận gói nylon nên trên là chất ma túy T mua của người tên T ở huyện H với giá 500.000đồng nhằm mục đích sử dụng, không bán cho người ai khác.

Tại Bản kết luận giám định số 924/KL-KTHS ngày 06/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đồng Tháp, kết luận: Tinh thể rắn chứa trong gói nylon màu trắng hàn kín, được niêm phong trong phong bì thu giữ của Tài Thị Mỹ T là chất ma túy, khối lượng 0,432 gam, loại Methamphetamine.

Tại Cáo trạng số: 07/CT-VKSTN ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo: Tài Thị Mỹ T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp truy tố về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Trần Hữu N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Lê Quốc V bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Đinh Thị Xuân P và Hồ Thanh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 17; Điều 38; điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Quốc V, phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" mức án từ 08 năm đến 09 năm tù. Tình tiết tăng nặng: Không. Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng.

2. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; Điều 38; khoản 1 Điều 17; điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Trần Hữu N, phạm tội "Mua

bán trái phép chất ma túy" mức án từ 07 năm đến 08 năm tù. Tình tiết tăng nặng: Không. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 17; Điều 38; điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Tài Thị Mỹ T;

Phạm tội "Mua bán trữ trái phép chất ma túy" mức án từ 07 năm đến 08 năm tù.

Phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" mức án từ 01 năm đến 02 năm tù.

Tổng hợp hình phạt 02 tội là: mức án từ 08 năm đến 09 năm tù.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Hồ Thanh T, phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" mức án từ 02 năm đến 03 năm tù. Tình tiết tăng nặng: Không. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 17; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Đinh Thị Xuân P, phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" mức án từ 02 năm đến 03 năm tù. Tình tiết tăng nặng: Không. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

- Bị cáo Lê Quốc V khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Trần Hữu N khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Tài Thị Mỹ T khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Hồ Thanh T khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Đinh Thị Xuân P khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày: Vào ngày 16/9/2020, Lê Quốc V sử dụng xe mô tô hiệu Exciter màu đỏ đen, biển số 66N1-419.26 để tàng trữ trái phép chất ma túy ông H hoàn toàn không biết. Đối với chiếc xe mô tô trên thuộc sở hữu của ông H và cơ quan công an đã trao trả cho ông H nhận lại xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang ngày 16/9/2020 của Công an xã A đối với Lê Quốc V; Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 26/6/2020 của Công an huyện T tại nhà Trần Hữu N; Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 04/10/2020 của Công an xã A đối với Tài Thị Mỹ T; Kết luận giám định số: 851/KL-KTHS ngày 30/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp; Kết luận giám định số: 858/KL-KTHS ngày 18/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp; Kết luận giám định số: 924/KL-KTHS ngày 06/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đồng Tháp; Tờ tự khai ngày 06/10/2020 của bị cáo P; Tờ tự khai ngày 26/6/2020 và ngày 04/10/2020 của bị cáo T; Tờ tự nhận ngày 16/9/2020 của bị cáo V; Tờ tự khai ngày 08/12/2020 của bị cáo T; Lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Đây là vụ án "Mua bán trái phép chất ma tuý do các bị cáo Lê Quốc V, Tài Thị Mỹ T, Trần Hữu N, Đinh Thị Xuân P, Hồ Thanh T và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" do bị cáo Tài Thị Mỹ T thực hiện, cụ thể như sau:

- Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo V: Mua ma tuý của người tên T cất giấu nhằm mục đích vừa sử dụng và bán lại cho nhiều người khác, cụ thể: Khoảng tháng 6/2020 Việt bán ma túy cho Tài Thị Mỹ T và Trần Hữu N với giá 3.200.000đồng, lần này V cùng P đến nhà N giao ma túy, lúc đầu P không biết nhưng trong lúc giao ma túy P biết việc bán ma túy. Đối với các bị cáo

N và T mua ma túy của bị cáo V lần này về sử dụng và bán lại cho người nghiện nhưng không nhớ người mua.

Tiếp tục ngày 25/6/2020 bị cáo V bán ma túy cho các bị cáo T và N với giá 3.200.000đồng tại nhà Đinh Thị Xuân P thuộc ấp A, xã A. Trong lần này, P trực tiếp giúp sức cho bị cáo V giao dịch với bị cáo N và T.

Sau đó, ngày 14/9/2020 bị cáo V bán ma túy cho bị cáo Hồ Thanh T với giá 200.000đồng tại nhà của bị cáo T tại ấp P, xã A và ngày 15/9/2020 bị cáo V bán ma túy cho Phạm Minh Q với giá 200.000đồng, lần này bị cáo V nhờ bị cáo T giao ma túy dùm cho Q, bị cáo T đồng ý giao ma túy cho Q và khi giao xong lấy tiền về đưa bị cáo V.

Đến ngày 16/9/2020 bị cáo V bị bắt quả tang đang tàng trữ chất ma túy, có khối lượng 1,616gam, loại Methamphetamine nhằm mục đích vừa để sử dụng vừa để bán trái phép.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn không có tổ chức, trong đó bị cáo V giữ vai trò chính, bởi vì bị cáo V trực tiếp mua ma túy và bán nhiều lần như đã nêu trên; bị cáo P đồng phạm với vai trò giúp sức, bị cáo P biết bị cáo V bán ma túy cho bị cáo N và T nhưng giúp sức cho V giao dịch mua bán ma túy cho bị cáo N và T ngày 25/6/2020, bị cáo V có cho tiền bị cáo P sinh hoạt trong nhà. Đối với bị cáo T đóng vai trò giúp sức cho bị cáo V bán ma túy một lần, bị cáo T biết bị cáo V bán ma túy cho Q những vẫn giúp đi giao ma túy cho Q và lấy tiền cho bị cáo V vào ngày 15/9/2020 nhưng không hưởng lợi, vì bị cáo V có cho tiền nhưng bị cáo T không nhận.

- Đối với bị cáo Tài Thị Mỹ T và Trần Hữu N, sau khi mua ma túy từ bị cáo V, bị cáo T và N vừa sử dụng vừa bán ma túy trái phép cho những người nghiện, trong đó: ngày 25/6/2020 bán cho Huỳnh Trọng T với giá 100.000đồng và Cao Văn P với giá 300.000đồng, ngày 26/6/2020 tiếp tục bán cho Mai Văn Nhật T giá 1.030.000đồng, sau đó bị bắt quả tang thu giữ chất ma túy, tổng khối lượng 2,665gam, loại Methamphetamine nhằm mục đích vừa để sử dụng vừa để bán trái phép nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Vụ án thuộc đồng phạm giản đơn không có tổ chức, trong đó hai bị cáo T và N giữ vai trò ngang nhau.

Ngoài ra, bị cáo Tài Thị Mỹ T, trong thời gian được cho tại ngoại để nuôi con nhỏ, bị cáo T tiếp tục đi mua ma túy về tàng trữ có khối lượng 0,432gam, loại Methamphetamine, nhằm mục đích sử dụng trái phép thì bị bắt quả tang tại nhà trọ T thuộc xã A vào ngày 04/10/2020. Do đó hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về chất ma túy, là nguy hiểm cho xã hội.

Bị cáo V có hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho người khác sử dụng và bán lại là 04 lần (bị cáo T và N 02 lần, bị cáo T 01 lần, bị cáo Q 01 lần) và đến ngày 16/9/2020 bị cáo tiếp tục mua ma túy có khối lượng 1,616gam, loại Methamphetamine để bán lại thì bị bắt quả tang đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Bị cáo N và T có hành vi mua chất ma túy trái phép của bị cáo Việt 02 lần về sử dụng và bán lại cho người khác sử dụng là 03 lần (Ngày 25/6/2020 bán ma túy cho bị cáo T 01 lần và bị cáo P 01 lần, ngày 26/6/2020 bán cho bị cáo Nhật T 01 lần), thì bị bắt quả tang ma túy có tổng khối lượng 2,665gam, loại Methamphetamine đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

Bị cáo T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy có khối lượng 0,432gam, loại Methamphetamine đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Đối với bị cáo P đồng phạm với vai trò giúp sức, bị cáo biết bị cáo V bán ma túy cho bị cáo N và T nhưng không ngăn cản mà giúp sức cho bị cáo V giao dịch bán ma túy cho bị cáo N và T ngày 25/6/2020, bị cáo V có cho tiền bị cáo sinh hoạt trong nhà đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 và khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

Đối với bị cáo T đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo V bán ma túy một lần, bị cáo biết bị cáo V bán ma túy cho Q những vẫn giúp đi giao ma túy cho Q và lấy tiền cho bị cáo V vào ngày 15/9/2020 nhưng không hưởng lợi, vì bị cáo V có cho tiền nhưng bị cáo T không nhận đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 và khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[3] Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, bị xã hội lên án. Các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, biết rõ tác hại của ma tuý gây hậu quả rất lớn đối với bản thân, gia đình và xã hội cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, các bị cáo biết rõ điều đó vẫn cố tình thực hiện hành

vi phạm tội nên áp dụng hình phạt với một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại phiên tòa và trong quá trình điều tra;

Bị cáo V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú (vì khi bắt quả tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo tự khai ra hành vi mua bán trái phép chất ma túy) nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo N thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú (vì khi bắt quả tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo tự khai ra hành vi mua bán trái phép chất ma túy) nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú (vì khi bắt quả tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo tự khai ra hành vi mua bán trái phép chất ma túy); có ông nội Tài Hoàng A (bí danh Tài Tấn H) có tham gia cách mạng nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi thực hiện hành vi phạm tội đang mang thai; có sổ nghèo nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo: Không.

[4] Đối với bị cáo Hồ Thanh T bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 22/2020/QĐ-TA ngày 30/11/2020 với thời gian là 12 (mười hai) tháng, bị cáo đang chấp hành tại Cơ sở điều trị nghiện tỉnh Đồng Tháp. Do hành vi "Mua bán trái phép chất ma túy" của bị cáo trong vụ án này bị xử phạt tù nên khi bản án có hiệu lực pháp luật thì bị cáo được miễn chấp hành phần thời gian còn lại trong quyết định áp dụng biên pháp xử lý hành chính nêu trên theo quy định tại Điều 117 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[5] Hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xét thấy bản thân bị cáo T, N, P không nghề nghiệp; bị cáo T làm thuê, các bị cáo không nghề nghiệp và thu nhập thấp nên không áp dụng.

Riêng bị cáo V, quá trình điều tra thu giữ tiền Việt Nam: 20.180.000đồng (trong đó, xác định có tiền bán ma túy là 5.500.000đồng, còn lại 14.680.000đồng là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Xét thấy, bị cáo có thu nhập ổn định nên phạt bổ sung bị cáo V số tiền 10.000.000đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với tiền Việt Nam 269.000đồng thu giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu đen, đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Văn Q; 01 điện thoại di động hiệu NOKIA 1280 màu đen, đã qua sử dụng và tiền Việt Nam 70.000đồng thu giữ của Lê T; 01 xe mô tô hiệu Exciter màu đỏ đen, biển số 66N1-419.26 số khung 1010KY188885, số máy G3D4E957622 thu giữ của bị cáo V (thuộc sở hữu của Lê Văn H, cha ruột bị cáo V); 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 Pro màu xám, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, có gắn 02 sim điện thoại số 0382002715 và số 0398812924 thu giữ của bị cáo V. Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra xét thấy không liên quan đến vụ án và đã lại lại xong nên không xem xét.

Đối với 01 dao tự chế bằng kim loại, cán màu đen, lưỡi dao trắng, độ dài 60cm thu giữ của bị cáo Việt. Trong quá trình điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt hành chính số 103/QĐ-XPHC ngày 10/10/2020 và xử lý vật chứng xong đối với bị cáo V nên không xem xét.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO A5 màu trắng, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, có gắn 02 sim điện thoại số 0333240450 và số 0392820017 thu giữ của bị cáo V; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, hiệu OPPO đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, có gắn sim số điện thoại: 0372969557 và 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu vàng nhạt, hiệu Samsung Galaxy J7 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, có gắn 02 sim số điện thoại 0376721700 và số 0879222135 thu giữ của bị cáo N Và T. Xét thấy, điện thoại trên các bị cáo dùng vào việc phạm tội để liên lạc giao dịch mua và bán trái phép chất ma túy nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 2,290 gram được niêm phong trong cùng phong bì ghi niêm phong số: 603/A2 ngày 27/6/2020; Nỏ thủy tinh được niêm phong trong phong bì ghi niêm phong số: 603/A1 ngày 27/6/2020; Ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 1,513 gram được niêm phong trong cùng phong bì ghi niêm phong số: 886 ngày 16/9/2020; Ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 0,319 gram được niêm phong trong cùng phong bì ghi niêm phong số: 951 ngày 04/10/2020; 01 (một) chai nhựa hiệu Sting, trên nắp chai có gắn 01 ống hút nhựa màu đỏ trắng; 20 (hai mươi) gói nylon hàn kín 03 đầu và hở 01 đầu; 01 (một) dụng cụ xúc bằng ống hút nhựa màu đỏ trắng dài 13,5 cm, có 01 đầu nhọn và 01 đầu hàn kín; 01 (một) kéo kim loại màu trắng, lưỡi kéo dạng răng cưa, lưỡi kéo ám khói đen; 01 (một) kéo kim loại màu trắng, mũi nhọn có ám khói đen; 01 (một) dụng cụ xúc bằng ống hút nhựa màu trắng -

xanh, dài 16cm, 01 đầu nhọn, 01 đầu hàn kín; 01 (một) bóp nhựa màu đen - trắng - nâu, không rõ hiệu, kích thước 11 x 09 x 02 cm; 01 (một) quẹt gas màu trắng; 01 (một) quyển sổ tay hiệu Handbook; 01 (một) hộp nhựa màu trắng kích thược 1,5 x 5 x 6,5 cm. Xét thấy, các vật chứng trên là chất ma túy là vật cấm tàng trữ và không còn giá trị do các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với tiền Việt Nam: 1.430.000đồng thu giữ của bị cáo T và N. Xét thấy, đây là tiền của các bị cáo có liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với tiền Việt Nam: 20.180.000đồng thu giữ của bị cáo V (trong đó, xác định có tiền bán ma túy cho bị cáo T và N 02 lần với số tiền là 5.100.000đồng, bán cho bị cáo T 200.000đồng và Q 200.000đồng, tổng cộng là 5.500.000đồng, còn lại 14.680.000đồng là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy). Xét thấy, số tiền 5.500.000đồng có liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Riêng số tiền 14.680.000đồng là tiền thuộc sở hữu của bị cáo không liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhưng bị cáo bị xử phạt bổ sung số tiền 10.000.000đồng, nên còn lại 4.680.000đồng trả lại bị cáo là phù hợp.

[7] Đối với bị cáo T và N khai mua ma túy của Nguyễn Văn Đ một lần, nhằm mục đích vừa sử dụng vừa bán, nhưng không nhớ người mua. Vụ việc trên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đang thụ lý điều tra, nên không xem xét.

[8] Đối với người tên T, T (không rõ nhân thân, lý lịch) bán ma túy cho bị cáo V và bị cáo T. Cơ quan điều tra chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[9] Đối với Phạm Minh Q, Phạm Văn P, Lê T có mặt khi bắt quả tang bị cáo V ngày 16/9/2020. Trong quá trình điều tra, xác định không có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo V nên không xem xét trách nhiệm cửa Q, P và T.

[10] Về án phí: Các bị cáo V, N, T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đối với bị cáo T có sổ hộ cận nghèo nhưng đã hết hạn (Ngày 31/12/2020) nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số

326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đối với bị cáo P phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, nhưng bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoảng 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 17; Điều 38; điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Quốc V phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lê Quốc V 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 16 tháng 9 năm 2020.

Xử phạt hình phạt bổ sung bị cáo Lê Quốc V số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

2. Căn cứ điểm b,c khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 17; Điều 38; điểm s, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu N phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Trần Hữu N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 26 tháng 6 năm 2020.

3. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Tài Thị Mỹ T phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Tài Thị Mỹ T 01 (một) năm tù.

- Tuyên bố bị cáo Tài Thị Mỹ T phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Tài Thị Mỹ T 07 (bảy) năm tù.

Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là 08 (tám) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 30 tháng 11 năm 2020.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 17; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đinh Thị Xuân P phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Đinh Thị Xuân P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 17; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Hồ Thanh T phạm tội: "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Hồ Thanh T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

6. Về vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 2,290 gram được niêm phong trong cùng phong bì ghi niêm phong số: 603/A2 ngày 27/6/2020; Nỏ thủy tinh được niêm phong trong phong bì ghi niêm phong số: 603/A1 ngày 27/6/2020; Ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 1,513 gram được niêm phong trong cùng phong bì ghi niêm phong số: 886 ngày 16/9/2020; Ma túy còn lại sau giám định có khối lượng 0,319 gram được niêm phong trong cùng phong bì ghi niêm phong số: 951 ngày 04/10/2020; 01 (một) chai nhựa hiệu Sting, trên nắp chai có gắn 01 ống hút nhựa màu đỏ trắng; 20 (hai mươi) gói nylon hàn kín 03 đầu và hở 01 đầu; 01 (một) dụng cụ xúc bằng ống hút nhựa màu đỏ trắng dài 13,5 cm, có 01 đầu nhọn và 01 đầu hàn kín; 01 (một) kéo kim loại màu trắng, lưỡi kéo dạng răng cưa, lưỡi kéo ám khói đen; 01 (một) kéo kim loại màu trắng, mũi nhọn có ám khói đen; 01 (một) dụng cụ xúc bằng ống hút nhựa màu trắng - xanh, dài 16cm, 01 đầu nhọn, 01 đầu hàn kín; 01 (một) bóp nhựa màu đen - trắng - nâu, không rõ hiệu, kích thước 11 x 09 x 02 cm; 01 (một) quẹt gas màu trắng; 01 (một) quyển sổ tay hiệu Handbook; 01 (một) hộp nhựa màu trắng kích thược 1,5 x 5 x 6,5 cm.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, hiệu OPPO đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, có gắn sim số điện thoại: 0372969557; 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng màu vàng nhạt, hiệu Samsung Galaxy J7 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, có gắn 02 sim số điện thoại 0376721700 và số 0879222135 và tiền Việt Nam: 1.430.000đ (Một triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Tài Thị Mỹ T và Trần Hữu N; tiền Việt Nam: 5.500.000đ (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Lê Quốc V.

- Trả lại bị cáo Lê Quốc V: tiền Việt Nam: 4.680.000đ (Bốn triệu, sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Lê Quốc V: tiền Việt Nam: 20.180.000đ (Hai mươi triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng) đảm đảm bảo thi hành án.

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện t, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

7. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Quốc V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Hữu N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Tài Thị Mỹ T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hồ Thanh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Đinh Thị Xuân P thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoảng 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

6. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện t;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện t;
- Cơ quan THAHS Công an huyện t;
- Nhà tạm giữ Công an huyện t;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông